

Số: 46/2026/QĐST-DS

Phú Thọ, ngày 03 tháng 09 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 26 tháng 08 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 60/2025/TLST-DS ngày 30 tháng 05 năm 2026 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP V (V1). Địa chỉ: Số H L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội (nay là số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị V1.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Duy T – Trưởng phòng xử lý nợ, Ngân hàng TMCP V (V1).

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Ngọc T1 (chuyên viên xử lý nợ) Ngân hàng TMCP V (V1).

Người kế thừa một phần quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng V: Công ty cổ phần M1 (nay là công ty cổ phần J). Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà C, số B phố T, phường Y, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Anh T2 – Chức vụ: Giám đốc công ty,

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Huy M – Giám đốc trung tâm xử lý nợ.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Thành D1 (Trưởng bộ phận xử lý nợ); ông Lưu Đình D2 (chuyên viên xử lý nợ) công ty cổ phần J.

- *Bị đơn*: Bà Bùi Thị T3, sinh năm 1999. Nơi cư trú: Xóm T, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình (nay là: xóm T, xã T, tỉnh Phú Thọ).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nghĩa vụ trả nợ: Bị đơn bà Bùi Thị T3 và đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của Ngân hàng TMCP V (V1); đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của Công ty cổ phần J - người kế thừa một phần quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng V đã thống nhất số tiền mà bị đơn phải trả cho Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty cổ phần J theo Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số LN221115744417 (LD2232800897) ngày 24/11/2022 và Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số LN2406253018373 (LD2418601824) ngày 04/07/2024, tính đến ngày 26/08/2026 với tổng số tiền 601.214.986 đồng (trong đó, nợ gốc: 453.213.835 đồng, nợ lãi trong hạn: 4.502.803 đồng, nợ lãi quá hạn: 146.398.870 đồng, cụ thể:

Bà Bùi Thị T3 phải trả cho Công ty cổ phần J tổng số tiền tạm tính đến ngày 26/08/2026 là: **571.154.237** đồng (trong đó, nợ gốc: **430.553.143** đồng, nợ lãi trong hạn 4.277.663 đồng, nợ lãi quá hạn 139.078.926 đồng;

Bà Bùi Thị T3 phải trả cho V1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 26/08/2026 là: **30.060.749** đồng (trong đó, nợ gốc: **22.660.692** đồng, nợ lãi trong hạn: **225.140** đồng, nợ lãi quá hạn **7.319.9433** đồng.

Bị đơn bà Bùi Thị T3 cam kết sẽ thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty cổ phần J.

2.2. Kể từ ngày 27/08/2026 trở đi bà Bùi Thị T3 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà Bùi Thị T3 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.3. Về thực hiện nghĩa vụ thế chấp: Tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu MAZDA, ALL NEW MAZDA3 1.5 LUXUARY 1.5, AT; số khung RN2B12SAANM106975; Số máy P520869590; Biển kiểm soát 28A -183.38; giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 28 000228 do Công an huyện L, tỉnh Hoà Bình cấp ngày 21/11/2022 mang tên Bùi Thị T3.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật mà bà Bùi Thị T3 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả tiền theo hợp đồng tín dụng đã ký kết thì Ngân hàng V1 và Công ty cổ phần J có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án xử lý tài sản đã thế chấp theo Luật Thi hành án dân sự để thu hồi khoản nợ trên) theo hợp đồng thế chấp số LN2211157444717 ký ngày 23/11/2022 giữa V1 và Bùi Thị T3; Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng số 01/PLHĐ sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số LN2211157444717 ký ngày 03/07/2024 giữa V1 và Bùi Thị T3)

Trường hợp số tiền thu được sau khi phát mại tài sản thế chấp không đủ để

thanh toán hết khoản nợ thì bà Bùi Thị T3 vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ Ngân hàng V1 và Công ty cổ phần J cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ. Nếu phát mại tài sản thế chấp giá trị lớn hơn khoản nợ thì số tiền chênh lệch phải trả lại cho bà Bùi Thị T3.

2.4. Về án phí: Bị đơn bà Bùi Thị T3 tự nguyện chịu toàn bộ án dân sự sơ thẩm (bao gồm cả phần án phí dân sự sơ thẩm mà nguyên đơn phải chịu theo quy định) với số tiền 14.024.299 đồng. Ngân hàng V1 được trả lại 11.351.608 đ (Mười một triệu, ba trăm năm mươi một nghìn, sáu trăm linh tám đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0005011 ngày 29/05/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7, 36 và Điều 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 15 – Phú Thọ;
- Các đương sự;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bùi Minh Giang